

# MỘT SỐ NHẬN XÉT CÔNG TÁC QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP NĂM 1985

VŨ THỊ MINH THÊU, THŨ THỊ YÊN, VŨ THỊ LIÊM

Viện Khí tượng Thủy văn

Năm 1985 số trạm khí tượng nông nghiệp hoạt động là 33 trạm. Qua việc kiểm tra tại chỗ và kiểm soát các báo cáo gửi về Viện Khí tượng Thủy văn, chúng tôi có một số nhận xét về tình hình chất lượng quan trắc và báo cáo khí tượng nông nghiệp trong năm 1985 như sau:

## 1. Về tổ chức quan trắc:

Phần lớn các trạm đã quan trắc đúng đủ khối lượng, chỉ tiêu theo đề cương quan trắc khí tượng nông nghiệp mà Viện KTTV đã duyệt. Trạm Đà Lạt không tổ chức quan trắc khí tượng nông nghiệp theo kế hoạch đã duyệt đồng thời cũng không báo cáo lý do về Viện KTTV: Riêng phần quan trắc độ ẩm đất bằng khoan sấy có 2 trạm Phú Hộ và Bắc Giang tiến hành không được liên tục vì lý do bị mất điện.

## 2. Việc thực hiện hạn định gửi báo cáo:

Năm qua hầu hết các trạm gửi báo cáo tháng (BKN<sub>2</sub>) về Viện KTTV chậm từ 1—2 tháng. Có một số trạm từ 3—4 tháng mới gửi về một lần.

Báo cáo vụ (BKN<sub>1</sub>) và sò (SKN<sub>1</sub>) có khoảng 2/3 số trạm gửi về chậm từ 6 tháng trở lên.

## 3. Về chất lượng báo cáo:

Phần lớn các trạm đạt chất lượng từ 95% trở lên so với năm 1984 tăng 1,3%. Riêng Trạm Nam Định, Tân An, Hải Dương, Hà Đông tăng từ 5,2 — 7,6%. Đáng tiếc Trạm Bắc Giang giảm 4,4%.

Kết quả phân loại cụ thể được 13 trạm xếp vào loại tốt: Ba Vì, Mộc Châu, Mỹ Tho, Cần Thơ, Hà Đông, Thanh Hóa, Yên Định, Phú Hộ, Eakmát, Tuy Hòa, Yên Bái, Nam Định, Hưng Yên, chiếm tỷ lệ 39%. Có 8 trạm xếp loại khá: Ưông Bí, Tân An, Thái Bình, Bạc Liêu, Đại Từ, Văn Chấn, Hòa An Hải Dương, chiếm tỷ lệ 29%. Có 2 trạm xếp loại trung bình: Huế, Bắc Giang chiếm 6%. Hai trạm yếu là Đô Lương và Tuyên Quang.

## 4. Một số sai sót thường mắc phải:

— Phần « chỉ dẫn chung » ghi ngày chín  $\geq 50\%$  là sai. Theo quy phạm phải ghi ngày phát triển  $\geq 75\%$ .

— « Điều tra trong huyện về tình hình đối tượng quan trắc » còn nghèo nàn, nhiều dài, trạm hiện nay mới lấy số liệu được 1 loại cây lúa.

— « Thuyết minh địa điểm quan trắc và vẽ sơ đồ » còn tùy tiện, sơ sài, chưa ghi đúng và đầy đủ theo nội dung đã quy định trong quy phạm quan trắc khí tượng nông nghiệp.

– Phân tích thành phần năng suất: chọn cây, chọn bông, chọn hạt để cân trọng lượng 1000 hạt chưa đại diện, từ đó dẫn đến việc năng suất tính toán quá chênh lệch so với năng suất thực thu.

– Thiếu phần năng suất thực thu, thiếu năng suất hợp tác xã.

– Thiếu phần nhận xét, tóm tắt ảnh hưởng của thời tiết đối với cây quan trắc cả vụ ở cuối sổ (SKN<sub>1</sub>).

– Bảng B<sub>5</sub>, báo cáo vụ (BKN<sub>1</sub>) hay sai cột « biên độ ». Biên độ là hiệu số giữa nhiệt độ trung bình cao nhất và trung bình thấp nhất trong tuần.

– Độ ẩm không khí cột « 13 giờ » (do mẫu báo biểu in sai) nên phải lấy ẩm độ không khí thấp nhất chọn ở 4 obs chính hàng ngày trong tuần.

– Cột « 4 » của các yếu tố nhiệt, mưa, nắng... cũng còn sai nhiều.

– Bảng B<sub>9</sub> (BKN<sub>1</sub>) thiếu tên giống và việc sắp xếp thứ tự theo đợt 1 ấy còn lộn xộn.

Trong bảng này việc tính toán số liệu còn sai khá nhiều, chủ yếu về cách tính tích nhiệt, tổng lượng mưa và số giờ nắng giữa hai kỳ phát dục của một loại cây, nhiệt độ không khí trung bình, số giờ nắng và lượng mưa cùng kỳ phát dục của một loại cây.

– Bảng B<sub>12</sub>: « ghi chép công tác đồng ruộng » hay còn tùy tiện, lộn xộn. Nói chung mỗi loại công tác đồng ruộng phải ghi rõ: thời gian, khối lượng; phương thức tiến hành. Các quan trắc viên thường ghi thiếu lượng giống, thiếu công thức cấy, gieo trồng, ngày thu hoạch..

– « Đếm mật độ lúa kỳ ngừng đẻ và đếm danh cơ bản sai thời gian. Quy định phải tiến hành đếm « danh cơ bản » ghi ngày lúa đẻ nhánh  $\geq 10\%$ . Thời gian đếm mật độ lúc số nhánh đẻ của lần quan trắc sau so với lần quan trắc trước không tăng.

– Thiếu đếm mật độ nhánh đẻ ở mạ lúc nhỏ cấy.

– Độ ẩm đất ngày gieo hoặc cấy lặp lại nhiều lần trong báo cáo tháng (BKN<sub>2</sub>), chỉ yêu cầu đánh giá cấp độ ẩm đất 1 lần đầu.

– Thiếu đếm mật độ cây chè ngày 31/VII.

– Thiếu ghi ngày tiến hành đo độ dài búp chè vào ngày hái búp phổ biến  $\geq 50\%$ .

– Thiếu đánh giá cấp độ ẩm đất và cấp trạng thái sinh trưởng đối với cây ăn quả, cây cỏ dầu.

Đề phục vụ cho tốt hơn và kịp thời cho sản xuất nông nghiệp, những nhược điểm nêu trên cần được khắc phục nhanh chóng. Chúng tôi mong được sự đóng góp ý kiến nhiều hơn về các vấn đề trên của các đồng chí làm công tác khí tượng nông nghiệp ở các địa phương./

## MÔ HÌNH PHÂN TÍCH KHÁCH QUAN...

(tiếp theo trang 11)

Bảng 1 cho thấy rằng sai số  $\varepsilon_V$  tăng khi khoảng cách nội, ngoại suy tăng và ứng với cùng 1 khoảng cách thì  $\varepsilon_V$  (tháng I)  $<$   $\varepsilon_V$  (tháng VII); đồng thời miền không gian cho phép để phân tích khách quan trường V vào những tháng mùa đông được mở rộng hơn so với những tháng mùa hè. Nếu chọn khoảng cách  $r = 50 - 200$  km thì hiệu suất của mô hình đạt 75 - 85%.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Ngọc Hồ — Tạp chí Vật lý, tập IV, số 2, 1979.
2. Phạm Ngọc Hồ — Tạp chí Vật lý, tập V, số 2, 1980.
3. Gandin A.C — Truđr GGO, 114, 1972
4. Gandin A.C — Truđr GGO, 168, 1975.
5. Indin M.I — Truđr GGO, 21, 1968.